TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 218/2023/DS-ST
Ngày: 11-8-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Ngọc Quyền**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Lê Văn Bài;**

Ông **Nguyễn Văn Bé.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Phước Thành**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 289/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2022; về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 6 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 225/2023/QĐST-DS ngày ngày 14 tháng 7 năm 2023; giữa:

Nguyên đơn: Chị Thạch M, sinh năm 1990 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Tr, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

Bị đơn: 1/ Chị Thạch N, sinh năm 1998 (vắng mặt không lý do)

2/ Chị Thạch T, sinh năm 1989 (vắng mặt không lý do)

Cùng địa chỉ: ấp Ô Tr, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07-9-2022 (bút lục 02) trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Thạch M trình bày:

Chị có tham gia góp hụi do chị Thạch N và chị Thạch T làm chủ hụi rất nhiều dây, cụ thể vào ngày 12-3-2020 DL, dây số 31, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 41, 42, 43, 44 và 45, loại hụi 3.000.000 đồng, chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, chủ hụi có giao danh sách hụi viên, có 15 phần, huê hồng đầu thảo hưởng 900.000 đồng/lần hốt, hụi nữa tháng kêu 01 lần, mỗi dây chị tham gia 01 phần, tất cả dây hụi đều khui được 05 lần, đến lần thứ 06 thì đầu thảo úp hụi. Sau khi úp hụi giữa chị và chị T và Na Rinh có đối chiếu số tiền chị đã đóng nhưng chỉ nói miệng, không lập văn bản đối chiếu. Đến nay các dây hụi trên chị T và chị N đã úp hụi nhưng chưa trả lại số tiền hụi chị đã đóng hụi sống, do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết, cụ thể từng dây hụi như sau:

1. Dây hụi số 31 chị đóng được 05 lần hụi sống bằng 6.520.000 đồng.

2. Dây hụi số 33 chị đóng được 05 lần hụi sống bằng 6.490.000 đồng.

3. Dây hụi số 34 chị đóng được 05 lần hụi sống bằng 6.480.000 đồng.

4. Dây hụi số 35 chị đóng được 05 lần hụi sống bằng 6.470.000 đồng.

5. Dây hụi số 36 chị đóng được 05 lần hụi sống bằng 6.440.000 đồng.

6. Dây hụi số 37 chị đóng được 05 lần hụi sống bằng 6.420.000 đồng.

7. Dây hụi số 38 chị đóng được 05 lần hụi sống bằng 6.400.000 đồng.

8. Dây hụi số 39 chị đóng được 05 lần hụi sống bằng 6.450.000 đồng.

9. Dây hụi số 41 chị đóng được 05 lần hụi sống bằng 6.370.000 đồng.

10. Dây hụi số 42 chị đóng được 05 lần hụi sống bằng 6.340.000 đồng.

11. Dây hụi số 43 chị đóng được 05 lần hụi sống bằng 6.320.000 đồng.

12. Dây hụi số 44 chị đóng được 05 lần hụi sống bằng 6.270.000 đồng.

13. Dây hụi số 45 chị đóng được 05 lần hụi sống bằng 6.290.000 đồng.

Tổng cộng 13 dây hụi trên chị đã đóng cho chị T và chị N số tiền 83.260.000 đồng.

Do đó chị yêu cầu chị Thạch N và chị Thạch T trả tiền hụi mà chị đã đóng tổng cộng bằng 83.260.000 đồng (Loại hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 12-3-2020

DL, dây số 31, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 41, 42, 43, 44 và 45). Chị không yêu cầu tính lãi hụi.

Bị đơn chị Thạch N và chị Thạch T đã được triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải hai lần vào các ngày 10-3-2023 và 30-5-2023 nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất và không thống nhất:

Do đồng bị đơn vắng mặt nên không xác định được nội dung các bên thống nhất và không thống nhất.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 468 và 471 của Bộ luật dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi biêu phường và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Vị đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thạch M. Buộc chị Thạch N và chị Thạch T trả tiền hụi sống mà chị Thạch M đã đóng tổng cộng 83.260.000 đồng. Buộc chị Thạch N và chị Thạch T chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không có mặt và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn chị Thạch M khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi". Đồng thời bị đơn chị Thạch N và chị Thạch T cư trú tại ấp Tr, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên xác định đây là vụ án dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ xét xử lần hai nhưng cả hai lần đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt chị M và chị T và chị N.

[2] *Về nội dung*:

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Thạch M yêu cầu chị Thạch N và chị Thạch T trả tiền hụi mà chị đã đóng tổng cộng bằng 83.260.000 đồng (Loại hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 12-3-2020 DL, dây số 31, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 41, 42, 43, 44 và 45). Chị không yêu cầu tính lãi hụi.

Xét hợp đồng góp hụi giữa chị M với chị N và chị T là có thật. Trong thời gian từ năm 2019 đến năm 2020 chị N và chị T làm chủ hụi của rất nhiều dây hụi, loại hụi khác nhau trong đó có các dây hụi số 31, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 41, 42, 43, 44 và 45 loại hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 12-3-2020 DL. Sau khi úp hụi đáng lẽ chị N và chị T phải có nghĩa vụ thanh toán tiền hụi sống cho các hụi viên đã tham gia góp hụi, nhưng ông bà không thực hiện nghĩa vụ của chủ hụi đối với hụi viên khi có yêu cầu, nên chị N và chị T đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi đối với hụi viên còn sống. Việc vi phạm này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của chị M nên chị M khởi kiện chị N và chị T là có căn cứ.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã ban hành quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 18/QĐ-YCCCTLCC và công văn số 18/CV-TA cùng ngày 15-5-2023 yêu cầu chị T và chị N cung cấp bản tự khai thể hiện ý kiến, yêu cầu của hai chị đối với đơn khởi kiện của chị M và các chứng cứ để Tòa án xem xét. Đồng thời gởi kèm theo đơn khởi kiện và danh sách hụi viên do chị M nộp để yêu cầu chị N và chị T đối chiếu danh sách hụi viên, số tiền nguyên đơn đã đóng hụi sống cho chị N và chị T để hai chị có thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được công văn phải có văn bản phản hồi cho Tòa án nếu đối chiếu thấy số tiền nguyên đơn khởi kiện không đúng. Trong công văn còn nói rõ "Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được các văn bản này hoặc được niêm yết hợp lệ tại nhà, nếu chị Thạch N và Thạch T và không đến Tòa án trình bày, không giao nộp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình hoặc không có ý kiến phản đối bằng văn bản, coi như thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn" (bút lục 52 và 53). Tất cả các văn bản trên đều được tống đạt hợp lệ cho chị N và chị T nhưng đến hôm nay chị N và chị T vẫn không đến Tòa để trình bày ý kiến hay có văn bản phản hồi liên quan đến 13 dây hụi mà chị Thạch M khởi kiện. Đồng thời nguyên đơn chị Thạch M cung cấp được 13 danh sách hụi viên của 13 dây hụi (bút lục 08-20) và xác nhận của 02 hụi

viên cùng tham gia chơi chung 13 dây hụi này (bút lục 22-23). Từ những căn cứ trên cho thấy việc chị M có chơi hụi như chị trình bày là có thật, số tiền đóng hụi sống đã được nêu trong công văn tống đạt cho chị N và chị T nhưng không có phản hồi là số tiền đó không đúng. Do đó yêu cầu của chị M về việc buộc chị N và chị T trả tiền hụi mà bà đã đóng tổng cộng bằng 83.260.000 đồng (Loại hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 12-3-2020 DL, dây số 31, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 41, 42, 43, 44 và 45) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những cơ sở nhận định trên và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch M; Buộc chị Thạch N và chị Thạch T trả tiền hụi mà chị đã đóng tổng cộng bằng 83.260.000 đồng.

[3] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bị đơn chị Thạch N và chị Thạch T phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Thạch M không phải chịu án phí.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, 147 và Điều 227, 228, 238, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi biêu phường;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thạch M.

2. Buộc chị Thạch N và chị Thạch T liên đới trả cho chị Thạch M số tiền hụi sống đã đóng là 83.260.000 đồng (Tám mươi ba triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất

được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Buộc bị đơn chị Thạch N và chị Thạch T liên đới chịu 4.163.000 đồng án phí dân sự.

Chị Thạch M không phải chịu án phí. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.081.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0014314 ngày 22-11-2022; của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh cho chị Thạch M.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Quyền